

UBND XÃ LIÊN MINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 132/TB-BQLDA

Liên Minh, ngày 01 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với 62 thửa đất tại khu Cửa Thảm (giai đoạn 2), Thọ An, xã Liên Minh, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị Quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính phủ Quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở theo quy định của Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 Hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của Pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư 20/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên cổng đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng cổng đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến.

Căn cứ Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 16/5/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Đan Phượng;

Căn cứ Công văn số 4630/SNNMT-QHKHSDD ngày 22/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội về việc thực hiện quy hoạch, kế

hoạch sử dụng đất sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 5786/BTNMT-QLĐĐ ngày 20/8/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn về căn cứ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất theo Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Liên Minh về việc giao đất đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất ở khu Cửa Thảm (giai đoạn 2), xã Thọ An (nay là xã Liên Minh);

Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 07/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội về đấu giá quyền sử dụng đất năm 2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Công văn số 2211/UBND-NNMT ngày 22/5/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân để thực hiện xây nhà ở tại dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất khu Cửa Thảm (giai đoạn 2), xã Liên Minh;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 28/5/2026 của UBND xã Liên Minh về việc phê duyệt phương án Đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với 100 thửa đất tại khu Cửa Thảm (giai đoạn 2), Thọ An, xã Liên Minh, TP. Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND xã Liên Minh về việc phê duyệt giá khởi điểm và bước giá để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với 100 thửa đất tại khu Cửa Thảm (giai đoạn 2), Thọ An, xã Liên Minh, thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND xã Liên Minh về việc đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với 100 thửa tại Khu Cửa Thảm (giai đoạn 2), Thọ An, xã Liên Minh, thành phố Hà Nội.

Ban Quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Liên Minh thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất ở 62 thửa đất tại Khu Cửa Thảm (giai đoạn 2), Thọ An, xã Liên Minh, thành phố Hà Nội, nội dung cụ thể như sau:

1. Người có tài sản đấu giá:

- Tên đơn vị: UBND xã Liên Minh

- UBND xã Liên Minh giao Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Liên Minh là đơn vị thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, lựa chọn, ký Hợp đồng dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 và Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp.

- Địa chỉ: Phố Mới, đường tỉnh lộ 417, xã Liên Minh, thành phố Hà Nội.

2. Danh sách và thông tin các thửa đất dự kiến đưa ra bán đấu giá:

- Tên tài sản bán đấu giá: Quyền sử dụng đất ở 62 thửa đất tại Khu Cửa Thảm (giai đoạn 2), Thọ An, xã Liên Minh, thành phố Hà Nội.

STT	Kí hiệu thửa đất	Diện tích (m ²)	Số thửa	Giá khởi điểm (đồng/m ²)
1	A1	87,9	673	34.941.600
2	A6	86,8	674	20.927.000
3	A2	73,7	675	30.384.000
4	A7	73,6	676	20.927.000
5	A3	73,7	677	30.384.000
6	A8	73,6	678	20.927.000
7	A4	73,7	679	30.384.000
8	A9	73,6	680	20.927.000
9	A5	87,6	681	34.941.600
10	A10	87,8	682	20.927.000
11	C1	76,4	705	20.927.000
12	C2	72,6	706	20.927.000
13	C3	72,6	707	20.927.000
14	C4	72,6	708	20.927.000
15	C5	75,6	709	20.927.000
16	C6	77,3	710	20.927.000
17	C7	73,1	711	20.927.000
18	C8	73,1	712	20.927.000
19	C9	73,1	713	20.927.000
20	C10	76,2	714	20.927.000
21	D1	81,4	715	34.941.600
22	D6	82,0	716	20.927.000
23	D2	71,8	717	30.384.000
24	D7	72,3	718	20.927.000
25	D3	71,8	719	30.384.000
26	D8	72,3	720	20.927.000
27	D4	71,8	721	30.384.000
28	D9	72,3	722	20.927.000
29	D5	88,3	723	34.941.600
30	D10	88,1	724	20.927.000
31	E1	73,9	725	20.927.000
32	E2	63,0	726	20.927.000

STT	Kí hiệu thửa đất	Diện tích (m ²)	Số thửa	Giá khởi điểm (đồng/m ²)
33	E3	63,0	727	20.927.000
34	E4	63,0	728	20.927.000
35	E5	63,0	729	20.927.000
36	E6	63,0	730	20.927.000
37	E7	63,0	731	20.927.000
38	E8	63,0	732	20.927.000
39	E9	63,0	733	20.927.000
40	E10	63,0	734	20.927.000
41	E11	74,1	735	20.927.000
42	E12	73,7	736	20.927.000
43	E13	63,0	737	20.927.000
44	E14	63,0	738	20.927.000
45	E15	63,0	739	20.927.000
46	E16	63,0	740	20.927.000
47	E17	63,0	741	20.927.000
48	E18	63,0	742	20.927.000
49	E19	63,0	743	20.927.000
50	E20	63,0	744	20.927.000
51	E21	63,0	745	20.927.000
52	E22	74,9	746	20.927.000
53	F1	72,4	747	20.927.000
54	F2	69,5	748	20.927.000
55	F3	69,5	749	20.927.000
56	F4	69,5	750	20.927.000
57	F5	73,1	751	20.927.000
58	F6	72,9	752	20.927.000
59	F7	69,5	753	20.927.000
60	F8	69,5	754	20.927.000
61	F9	69,5	755	20.927.000
62	F10	72,7	756	20.927.000
Tổng cộng		4.445,4		

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

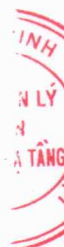
Các Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại Khoản 4 Điều 56 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14; các tiêu chí quy định tại Điều 33 Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp. Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do Ban Quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Liên Minh quy định. Cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Công Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0

5.	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (<i>Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án</i>)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (<i>địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ</i>)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (<i>bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành</i>) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	12,0
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	13,0
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	14,0
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành</i> (<i>bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào</i>)	4,0
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>	5,0
2.3	<i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>	6,0
2.4	<i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>	7,0

3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3) / Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3) / Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0

6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0



1.	<p>Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá</p> <p>- Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản</p> <p>- Người có tài sản đấu giá công khai tiêu chí thành phần cụ thể như sau: Trong năm trước liền kề (năm 2025) đã triển khai và tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá trên 70 cuộc/phiên đấu giá.</p>	2,0
2.	<p>Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất ở với người có tài sản đấu giá (Ban Quản lý dự án đầu tư – hạ tầng xã Liên Minh hoặc Trung tâm PTQĐ huyện Đan Phượng (trước đây)) và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó</p>	3,0
3.	<p>Năm 2024 và năm 2025, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã có kinh nghiệm tổ chức trên 40 phiên đấu giá QSDĐ để giao đất có thu tiền sử dụng đất trở lên bằng hình thức đấu giá bỏ phiếu trực tiếp nhiều vòng tại phiên đấu giá trên địa bàn thành phố Hà Nội</p>	3,0
Tổng số điểm		100

Hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chuẩn bị, có dấu xác nhận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với các giấy tờ, tài liệu chứng minh các tiêu chí trong hồ sơ của đơn vị mình.

Trường hợp có từ hai tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

4. Hồ sơ tham gia bao gồm:

- Văn bản đăng ký thực hiện phiên đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hồ sơ năng lực của đơn vị (Cung cấp tài liệu chứng minh các tiêu chí lựa chọn, biểu tổng hợp hợp đồng, kết quả thực hiện, ...)
- Phương án tổ chức thực hiện phiên đấu giá.
- Văn bản đăng ký giá dịch vụ đấu giá và chi phí đấu giá tài sản thực hiện phiên đấu giá.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ:

Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá

- Hình thức nộp hồ sơ: Nộp hồ sơ trực tiếp;
- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ 13 giờ 30 phút ngày 01/6/2026 đến 11 giờ 30 phút ngày 03/6/2026.
- Địa điểm nộp hồ sơ: Ban Quản lý Dự án Đầu tư - Hạ tầng xã Liên Minh (Địa chỉ: Phố Mới, đường tỉnh lộ 417, xã Liên Minh, thành phố Hà Nội).
- Điện thoại: 02436246169

- Hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được đóng thành quyển và để trong phong bì dán kín niêm phong; Người nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu, CCCD/Hộ chiếu của người nộp hồ sơ (còn thời hạn) (*Lưu ý: Không hoàn trả lại hồ sơ đối với các trường hợp không được lựa chọn*).

Thông báo được công khai trên Cổng thông tin điện tử xã Liên Minh (<https://lienminh.hanoi.gov.vn/>) và Cổng Đấu giá tài sản Quốc gia (<https://dgts.moj.gov.vn/>).

Ban Quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã Liên Minh trân trọng thông báo để các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được biết và đăng ký theo quy định.

Nơi nhận:

- UBND xã (để b/cáo);
- Cổng DGTS Quốc gia;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Các Tổ chức hành nghề DGTS;
- Lưu: VT. (03b)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Tạ Văn Dũng

